

Số: 99/2024/QĐ-PT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- **Thư ký phiên họp:** Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp:** Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

NHẬN THẤY:

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 02/2024/QĐST-HC ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã căn cứ khoản 5 Điều 38 và các điều 143, 144, 145 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 12/2022/TLST-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa:

- **Người khởi kiện:** Ông Vũ Đức T sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân T1 - Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cụ Nguyễn Thị T2 sinh năm 1930; địa chỉ: Thôn C, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Vũ Đức T3 sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn C, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Vũ Thị T4 sinh năm 1955; địa chỉ: Xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Bà Vũ Thị S sinh năm 1960; địa chỉ: Đ, Thôn B, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5. Bà Vũ Thị L sinh năm 1963; địa chỉ: Xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

6. Bà Vũ Thị Q sinh năm 1965; địa chỉ: Đ, Thôn C, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

7. Bà Vũ Thị M sinh năm 1969; địa chỉ: Xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

8. Ông Vũ Đức T5 sinh năm 1972; địa chỉ: Xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

9. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn C, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

10. Bà Nguyễn Thị T6; địa chỉ: Thôn C, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 09/5/2024, người khởi kiện là ông Vũ Đức T có đơn kháng cáo toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 02/2024/QĐST-HC ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Đức T, giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Ông Vũ Đức T có đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 25/10/2022) và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 31/10/2022 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp cho ông Vũ Đức T3 và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 12, cấp đổi ngày 31/12/2010 (có số thửa mới là 222, tờ bản đồ số 13, diện tích 487m²; sau đây viết tắt là thửa đất số 22) tại thôn C, xã Ô, huyện K. Ông T cho rằng việc UBND huyện K cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 22 cho ông T3, bà H là không đúng quy định pháp luật, vì: Bố mẹ của ông T và ông T3 là cụ Vũ Đức T7 (sinh năm 1922, chết năm 2019) và cụ Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1930) đã tạo lập được khối tài sản chung là 1.011m² đất các loại tại thôn C, xã Ô, huyện K. Nhưng, theo hồ sơ quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì thửa đất trên đã được tách làm 02 thửa là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 12, diện tích 507m² được UBND huyện K, cấp GCNQSDĐ ngày 20/02/2004, cấp đổi ngày 31/12/2010 (số thửa mới là 256, tờ bản đồ số 13, diện tích 522m²) cho vợ chồng ông T và thửa đất số 47, tờ bản đồ số 12, diện tích 504m² được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ cho ông T3, bà H và đã cấp đổi GCNQSDĐ ngày 31/12/2010 thành thửa đất số 222, tờ bản đồ số 13, diện tích 487m². Đối với GCNQSDĐ cấp cho vợ chồng ông T, thì ông T cho rằng vợ chồng ông T được cụ T7, cụ T2 lập và ký các văn bản tách cho từ năm 2004, đã thực hiện đúng trình tự, quy định pháp luật để được cấp GCNQSDĐ. Đối với GCNQSDĐ cấp cho vợ chồng ông T3, bà H là không đúng quy định pháp luật vì cụ T7 và cụ T2 không ký bất kỳ một văn bản nào về việc tách cho ông T3, bà H thửa đất số 47 nêu trên, cụ T7 trước khi chết cũng không có di chúc phân chia tài sản.

[2] Theo xác minh tại UBND huyện K và UBND xã Ô thể hiện: Kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu cấp GCNQSDĐ của huyện K không có hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Vũ Đức T3 và hộ ông Vũ Đức T vào năm 2004. Năm 2009, khi thực hiện dự án VLAP, xã Ô đã hoàn thiện hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho ông T3 và ông T. Theo hồ sơ VLAP, ông T3 sử dụng thửa đất số 222, tờ bản đồ số 13, diện tích 487m² (giảm 17m² so với GCNQSDĐ đã cấp năm 2004), ông T sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 13, diện tích 522m² (tăng 15m² so với GCNQSDĐ đã cấp năm 2004), ông T3 và ông T không có ý kiến gì, nhất trí với mốc giới, diện tích và đã ký giáp ranh.

[3] Về thời điểm người khởi kiện là ông T biết được ông T3 và bà H được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ, thấy rằng:

[3.1] Tại đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ông T trình bày là năm 2019, sau khi bố của ông T chết gia đình mới biết ông T3 đã được cấp GCNQSDĐ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2023, ông T khai là cụ T7 mất vào năm 2019 không để lại di chúc, khi đó ông T mới biết được thửa đất trên đã được tách thửa và cấp GCNQSDĐ cho ông T3, bà H. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2023, ông T khai là ngày 09/01/2020, cụ Nguyễn Thị T2 có đơn đề nghị thu hồi 02 GCNQSDĐ cấp cho vợ chồng ông T và cấp cho vợ chồng ông T3, bà H; UBND xã Ô đã tổ chức hòa giải 03 lần vào các ngày 13/02/2020 ngày 19/02/2020 và ngày 29/7/2020, nhưng không thành. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2023, ông T3 khai là khoảng ngày 09/01/2020, cụ T2 có đơn đề nghị thu hồi 02 GCNQSDĐ của hộ gia đình ông T3 và hộ gia đình ông T.

[3.2] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2023, cụ Nguyễn Thị T2 khai: Ngày 09/01/2020, cụ T2 có đơn đề nghị gửi UBND huyện K đề nghị thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông T3 và ông T. UBND xã Ô tiến hành hòa giải có mặt cụ, ông T và ông T3, nhưng không thành. Tháng 10/2022, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để giải quyết vụ án hành chính theo thẩm quyền.

[3.3] Qua xác minh vào ngày 17/11/2023, UBND huyện K cung cấp: Ngày 09/01/2020, cụ Nguyễn Thị T2 có đơn đề nghị thu hồi 02 GCNQSDĐ đã cấp cho ông T và ông T3. Ngày 19/01/2020, Tổ hoà giải của thôn C, xã Ô đã tổ chức hoà giải giữa cụ T2, ông T3 và ông T. Cùng thời gian này, cụ T2 tiếp tục gửi đơn đến UBND huyện K. UBND huyện K đã có Công văn số 93/UBND-TNMT ngày 10/02/2020 về việc chuyển đơn của cụ T2, để UBND xã Ô xem xét, hoà giải theo quy định. Ngày 19/02/2020, UBND xã Ô tiếp tục tổ chức buổi hoà giải tranh chấp đất đai giữa cụ T2, ông T và ông T3 nhưng không thành. Ngày 20/02/2020, UBND xã Ô có Báo cáo số 02/BC-UBND về việc giải quyết hoà giải tranh chấp đất đai không thành và hướng dẫn đương sự gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu để giải quyết theo thẩm quyền.

[3.4] Qua xác minh ngày 17/11/2023, UBND xã Ô, huyện K cung cấp: Về quá trình giải quyết khiếu nại, trả lời đơn liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ: Từ

ngày 29/7/2020 đến nay, UBND xã Ô, huyện K đã kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đơn khiếu nại và các đơn từ khác đối với việc GCNQSDĐ cấp cho hộ ông T3 và bà H tại thôn C, xã Ô, huyện K, và xác định đến thời điểm hiện nay, không có tài liệu, chứng cứ, văn bản nào liên quan đến việc giải quyết khiếu nại và liên quan đến việc trả lời đơn của gia đình cụ T2 và ông T đối với việc cấp GCNQSDĐ cho ông T3 và bà H mà gia đình cụ T2 và ông T có đơn khiếu nại và các đơn thư khác.

[3.5] Tại Công văn số 38/2024/CV-TA ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu cung cấp: Qua rà soát, kể từ thời điểm tháng 8/2020 đến tháng 10/2022, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu không nhận được đơn khởi kiện về tranh chấp đất đai, yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 12, cấp đổi ngày 31/12/2010 (có số thửa mới là 222, tờ bản đồ số 13, diện tích 487 m²) cấp cho ông T3 và bà H tại thôn C, xã Ô, huyện K.

[3.6] Như vậy, thời điểm người khởi kiện là ông T biết được ông T3 và bà H đã được UBND huyện K cấp đổi GCNQSDĐ ngày 31/12/2010 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 12, có số thửa đất mới là 222, tờ bản đồ số 13, diện tích 487m² là vào năm 2020.

[3.7] Do vậy, ngày 25/10/2022, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện K cấp cho ông T3 và bà H đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 12, cấp đổi ngày 31/12/2010 (có số thửa mới là 222, tờ bản đồ số 13, diện tích 487m²) tại thôn C, xã Ô, huyện K là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[6] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm (Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên) quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định tại các điều 143, 144, 145 của Luật Tố tụng hành chính.

[7] Tại phiên họp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[8] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là bác toàn bộ kháng cáo của ông T, giữ nguyên quyết định sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Đức T, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 02/2024/QĐST-HC ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Vũ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000182 ngày 31/5/2024, xác nhận ông Vũ Đức T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P. HCTP-VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Vũ Minh Tuấn